|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 1** | **ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II**  **Môn: ĐỊA LÍ 11**  *Thời gian: 45 phút* |

**Phần I. Trắc nghiệm (9,0 điểm)**

**Câu 1: Sông nào sau đây dài nhất ở khu vực Đông Nam Á?**

**A.** sông Trường Giang. **B.** sông Hồng.

**C.** sông A-ma – zôn. **D.** sông Mê Kông.

**Câu 2: Địa hình miền Tây Trung Quốc chủ yếu là:**

**A.** Gồm nhiều dãy núi cao , các cao nguyên đồ sồ và các bồn địa.

**B.** Chủ yếu là các đồng bằng Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam

**C.** các cao nguyên đồ sồ và các bồn địa

**D.** Gồm nhiều dãy núi cao

**Câu 3: Quốc gia nào ở Đông Nam Á vừa có lãnh thổ ở bán đảo và ở đảo?**

**A.** Lào. **B.** In-đô-nê-xia-a. **C.** Ma-lai-xi-a. **D.** Thái Lan.

**Câu 4: Các ngành công nghiệp trụ cột được tập trung phát triển là những ngành:**

**A.** Đảm bảo cho việc xây dựng nền công nghiệp vững chắc.

**B.** Đòi hỏi trình độ kĩ thuật cao.

**C.** Tôn ít vốn, đưa lại nguồn lợi nhanh, tận dụng nhân lực sẵn có.

**D.** Có khả năng tăng nhanh năng suất, sinh lãi cao.

**Câu 5: Mục tiêu nào sau đây là mục tiêu khái quát mà các nước ASEAN cần đạt được?**

**A.** Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định và phát triển đồng đều.

**B.** Xây dựng ASEAN thành một khu vực hoà bình, ổn định, có nền kinh tế, văn hoá phát triển.

**C.** Giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ giữa ASEAN với các nước, khối nước hoặc các tổ chức quốc tế khác.

**D.** Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục và tiến bộ xã hội của các nước thành viên.

**Câu 6: Việt Nam gia nhập hiệp hội các nước Đông Nam Á ( ASEAN ) năm**

**A.** 2015 **B.** 1995 **C.** 1999 **D.** 1967

**Câu 7: Chính sách dân số rất cứng rắn của Trung Quốc đã đưa đến kết quả là:**

**A.** Mỗi gia đình chỉ sinh 1 con.

**B.** Tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm.

**C.** Dân số phát triển ổn định,

**D.** Cơ cấu giới tính hợp lí.

**Câu 8: Diện tích và dân số (năm 2005) của Trung Quốc là:**

**A.** Diện tích: 8572,8 nghìn km2, Dân số: 2303,7 triệu người (2005)

**B.** Diện tích: 9572,8 nghìn km2, Dân số: 1303,7 triệu người (2005)

**C.** Diện tích: 9572,8 km2, Dân số: 1303,7 người (2005)

**D.** Diện tích: 957,28 nghìn km2, Dân số: 130,37 triệu người (2005)

**Câu 9: Diện tích và dân số (năm 2005) của Trung Quốc so với thế giới**

**A.** Diện tích xếp thứ tư, dân số lớn nhất thế giới.

**B.** Diện tích xếp thứ năm, dân số lớn nhất thế giới.

**C.** Diện tích xếp thứ nhất, dân số lớn nhất thế giới.

**D.** Diện tích xếp thứ ba, dân số lớn nhất thế giới.

**Câu 10: Nền kinh tế của các nước Đông Nam Á phát triển khá nhanh, song:**

**A.** rất vững chắc. **B.** vững chắc.

**C.** rất ổn định. **D.** chưa vững chắc.

**Câu 11: Ranh giới phân chia Trung quốc thành 2 miền Đông và Tây là kinh tuyến:**

**A.** 1000 **B.** 1050 **C.** 1040 **D.** 1090

**Câu 12: Đông Nam Á là cầu nối giữa:**

**A.** Châu Á – Châu Mỹ. **B.** Châu Á – Châu Phi.

**C.** Châu Á – Châu Đại Dương. **D.** Châu Á – Châu Âu.

**Câu 13: Thứ tự các đồng bằng ở miền đông Trung Quốc từ bắc đến nam:**

**A.** Đồng bằng Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam, Hoa Trung.

**B.** Hoa Trung, Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam.

**C.** Đồng bằng, Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Nam, Hoa Trung.

**D.** Đồng bằng Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.

**Câu 14: Dân số Trung Quốc phân bố chủ yếu ở**

**A.** miền Tây. **B.** Miền bắc **C.** Miền nam **D.** miền Đông.

**Câu 15: Thiên nhiên miền Đông giống với miền Tây ở điểm:**

**A.** Hạ lưu các sông lớn, dồi dào nước.

**B.** Chủ vếu đồng bằng phù sa châu thổ, màu mỡ.

**C.** Tài nguyên khoáng sản giàu có.

**D.** Khí hậu gió mùa cận nhiệt, ôn đới.

**Câu 16: Phần hải đảo khu vực Đông Nam Á thường xảy ra hiện tượng:**

**A.** sóng thần. **B.** động đất.

**C.** động đất và núi lửa. **D.** núi lửa.

**Câu 17: Điểm nào sau đây *không đúng* với dân cư, xã hội Trung Quốc?**

**A.** Người dân có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo.

**B.** Phát minh ra chữ viết 500 năm trước công nguyên.

**C.** Có ít dân tộc.

**D.** Chú ý đầu tư phát triển giáo dục.

**Câu 18: Miền tây Trung Quốc có kiểu khí hậu**

**A.** Khí hậu nhiệt đới. **B.** Khí hậu ôn đới gió mùa.

**C.** Khí hậu lục địa khắc nghiệt, mưa ít **D.** Khí hậu cận nhiệt gió mùa.

**Câu 19: Quốc gia nào sau đây chưa gia nhập ASEAN?**

**A.** Đông timo. **B.** Thái Lan. **C.** Bru-nây. **D.** Cam-pu-chia.

**Câu 20: Sự phân bố công nghiệp ở miền Đông giống với miền Tây ở điểm:**

**A.** Có ngành luyện kim.

**B.** Phân bố tập trung ngành chế tạo máy.

**C.** Có nhiều điểm công nghiệp tập trung.

**D.** Có ngành sản xuất thiết bị điện tử.

**Câu 21: Khu vực Đông Nam Á hiện có bao nhiêu quốc gia?**

**A.** 9 quốc gia. **B.** 11 quốc gia. **C.** 10 quốc gia. **D.** 12 quốc gia.

**Câu 22: Nửa đầu thế kỉ XX, hầu hết các nước Đông Nam Á có nền kinh tế:**

**A.** rất phát triển. **B.** đang phát triển .

**C.** phát triển. **D.** lạc hậu.

**Câu 23: Lãnh thổ Trung Quốc kéo dài từ:**

**A.** vĩ độ từ 300B - 530B, kinh độ 830Đ - 1350Đ

**B.** vĩ độ từ 250B - 530B, kinh độ 730Đ - 1550Đ

**C.** vĩ độ từ 200B - 430B, kinh độ 430Đ - 1350Đ

**D.** vĩ độ từ 200B - 530B, kinh độ 730Đ - 1350Đ

**Câu 24: Miền tây Trung Quốc là nơi bắt nguồn của các con sông lớn ở Trung Quốc**

**A.** sông Trường Giang, Hoàng Hà, Tây Giang, Nin.

**B.** sông Trường Giang, Hoàng Hà, Tây Giang, vonga.

**C.** sông Trường Giang, Hoàng Hà, Tây Giang.

**D.** sông Trường Giang, Hoàng Hà, Tây Giang, amazon.

**Câu 25: Khó khăn của tự nhiên Trung Quốc đối với phát triển kinh tế là:**

**A.** Gió lạnh kéo dài ở vùng Hoa Bắc.

**B.** Lãnh thổ rộng lớn, khô hạn ở miền Tây; Bão, lụt dữ dội ở đồng bằng Hoa Nam

**C.** Lãnh thổ rộng lớn khô hạn ở miền Tây.

**D.** Bão, lụt dữ dội ở đồng bằng Hoa Nam.

**Câu 26: Các ngành sản xuất của các nước Đông Nam Á tập trung chủ yếu tại vùng:**

**A.** ven biển và trung du. **B.** trung du và miền núi.

**C.** miền núi và ven biển. **D.** đồng bằng ven biển.

**Câu 27: Việt Nam xuất khẩu lúa gạo sang các nước ASEAN tiêu biểu là:**

**A.** Ma-lai-si-a, Phi-lip-pin, In- do-nê- si- a.

**B.** Ma-lai-si-a, Cam-pu-chia, In- do-nê- si- a.

**C.** Ma-lai-si-a, Xin-ga-po, In- do-nê- si- a.

**D.** Ma-lai-si-a, Mi-an-ma, In- do-nê- si- a.

**Câu 28: Các nước Đông Nam Nam Á có những lợi thế gì để thu hút sự chú ý của các nước đế quốc?**

**A.** Vị trí cầu nối và nguồn lao động dồi dào.

**B.** Vị trí cầu nối và nguồn tài nguyên giàu có.

**C.** Nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**D.** Người dân Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng trong sinh hoạt và sản xuất.

**Câu 29: Hiện nay các nước trong khu vực Đông Nam Á đang :**

**A.** đẩy mạnh sản xuất lương thực. **B.** trú trọng phát triển ngành chăn nuôi.

**C.** tiến hành công nghiệp hóa.. **D.** đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp.

**Câu 30: Cộng đồng kinh tế ASEAN được thành lập năm:**

**A.** 1967 **B.** 1995 **C.** 1999 **D.** 2015

**Câu 31: Dự án phát triển hành lang Đông – Tây tại lưu vực sông Mê Công gồm:**

**A.** Việt Nam, Lào, Cam- pu- chia và Đông Bắc Thái Lan.

**B.** Việt Nam, Lào, Mi-an-ma và Đông Bắc Thái Lan.

**C.** Việt Nam, Lào, Phi- lip- pin và Đông Bắc Thái Lan.

**D.** Việt Nam, Cam- pu- chia, Ma- lai- xi- a và Đông Bắc Thái Lan.

**Câu 32: Những yếu tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đông Nam Á là:**

**A.** dân số trẻ.

**B.** dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.

**C.** thị trường tiêu thụ lớn.

**D.** nguồn lao động dồi dào.

**Câu 33: Kết quả nào sau đây không phải của sản xuất nông nghiệp Trung Quốc?**

**A.** Chăn nuôi chiếm giá trị sản lượng lớn hơn trồng trọt.

**B.** Cây lương thực chiếm vị trí quan trọng nhất.

**C.** Nhiều loại nông sản có năng suất cao.

**D.** Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng nhanh.

**Câu 34: Trung Quốc tiến hành cải cách kinh tế từ năm.**

**A.** 1978 **B.** 1979 **C.** 1980 **D.** 1989

**Câu 35: Quốc gia nào sau đây không có tên gọi là Vương quốc?**

**A.** Cam-pu-chia. **B.** Thái Lan. **C.** Việt Nam . **D.** Bru-nây.

**Câu 36: Khí hậu Đông Nam Á không bị khô hạn như những vùng cùng vĩ độ ở Châu Phi và Tây Nam Á là nhờ:**

**A.** gió mùa. **B.** địa hình. **C.** biển. **D.** sông ngòi.

**Phần II. Tự Luận (1,0 điểm) Cho bảng số liệu :**

Khách du lịch quốc tế đến và chi tiêu của khách du lịch ở một số khu vực năm 2014

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khu vực** | **Số khách du lịch đến**  **(triệu người)** | **Chi tiêu của khách du lịch (tỉ USD)** |
| 1 | Đông Á | 136,3 | 198,1 |
| 2 | Đông Nam Á | 96,7 | 106,8 |

Tính bình quân chi tiêu của khách du lịch quốc tế ở một số khu vực năm 2004?

----------- HẾT ----------

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **D** | **11** | **B** | **21** | **B** | **31** | **B** |
| **2** | **A** | **12** | **C** | **22** | **D** | **32** | **B** |
| **3** | **C** | **13** | **D** | **23** | **D** | **33** | **A** |
| **4** | **D** | **14** | **D** | **24** | **C** | **34** | **A** |
| **5** | **A** | **15** | **C** | **25** | **B** | **35** | **C** |
| **6** | **B** | **16** | **C** | **26** | **D** | **36** | **A** |
| **7** | **B** | **17** | **C** | **27** | **A** |  |  |
| **8** | **B** | **18** | **C** | **28** | **B** |  |  |
| **9** | **A** | **19** | **A** | **29** | **C** |  |  |
| **10** | **D** | **20** | **A** | **30** | **D** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 2** | **ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II**  **Môn: ĐỊA LÍ 11**  *Thời gian: 45 phút* |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (6,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1 :** | Nhận xét *đúng* về tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế Nhật Bản từ sau năm 1991 là | | | | | | | | |
| **A.** | tăng trưởng chậm lại, có biến động và ở mức thấp. | | | | **B.** | | tăng trưởng cao nhưng còn biến động. | | |
| **C.** | tăng trưởng ổn định và luôn ở mức cao. | | | | **D.** | | tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn ở mức cao. | | |
| **Câu 2 :** | Phần lãnh thổ miền Đông Trung Quốc trải dài từ vùng duyên hải vào đất liền, đến kinh tuyến | | | | | | | | |
| **A.** | 1070 Đông. | **B.** | 1000 Đông. | **C.** | | 1050 Đông. | | **D.** | 1110 Đông. |
| **Câu 3 :** | Bốn đảo lớn nhất của Nhật Bản theo thứ tự từ bắc xuống nam là | | | | | | | | |
| **A.** | Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. | | | | **B.** | | Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. | | |
| **C.** | Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư. | | | | **D.** | | Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư. | | |
| **Câu 4 :** | Nhận xét ***đúng*** về đặc điểm đường biên giới với các nước trên đất liền của Trung Quốc là | | | | | | | | |
| **A.** | chủ yếu là đồng bằng và hoang mạc. | | | | **B.** | | chủ yếu là núi cao và hoang mạc. | | |
| **C.** | chủ yếu là đồi núi thấp và đồng bằng. | | | | **D.** | | chủ yếu là núi và cao nguyên. | | |
| **Câu 5 :** | Các đồng bằng miền Đông Trung Quốc theo thứ tự bắc xuống nam là | | | | | | | | |
| **A.** | Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam. | | | | **B.** | | Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam , Hoa Trung. | | |
| **C.** | Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam. | | | | **D.** | | Đông Bắc, Hoa Nam , Hoa Bắc, Hoa Trung. | | |
| **Câu 6 :** | Cây trồng chiếm diện tích lớn nhất (50%) ở Nhật Bản là | | | | | | | | |
| **A.** | ngô. | **B.** | lúa gạo. | **C.** | | tơ tằm. | | **D.** | lúa mì. |
| **Câu 7 :** | Đặc điểm lớn của địa hình Trung Quốc là | | | | | | | | |
| **A.** | thấp dần từ bắc xuống nam. | | | | **B.** | | cao dần từ tây sang đông. | | |
| **C.** | thấp dần từ tây sang đông. | | | | **D.** | | cao dần từ bắc xuống nam. | | |
| **Câu 8 :** | Quốc gia ***duy nhất*** ở khu vực Đông Nam Á không có diện tích giáp biển là | | | | | | | | |
| **A.** | Cam-pu-chia. | **B.** | Thái Lan. | **C.** | | Mi-an-ma. | | **D.** | Lào. |
| **Câu 9 :** | Diện tích tự nhiên của Trung Quốc  khoảng | | | | | | | | |
| **A.** | gần 9,5 triệu km2 | | | | **B.** | | gần 9,6 triệu km2 | | |
| **C.** | trên 9,5 triệu km2 | | | | **D.** | | trên 9,6 triệu km2. | | |
| **Câu 10 :** | Cho bảng số liệu:  **GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM**  (Đơn vị: tỉ USD)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **1990** | **1995** | **2000** | **2001** | **2004** | | Xuất khẩu | 287,6 | 443,1 | 479,2 | 403,5 | 565,7 | | Nhập khẩu | 235,4 | 335, | 379,5 | 349,1 | 454,5 | | Cán cân thương mại | 52,2 | 107,2 | 99,7 | 54,4 | 111,2 |   Tỉ trọng xuất khẩu năm 2004 tăng hơn năm 1990 bao nhiêu lần? | | | | | | | | |
| **A.** | 2,2 | **B.** | 278,1 | **C.** | | 1,96 | | **D.** | 1,95 |
| **Câu 11 :** | Chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản đó là ngành | | | | | | | | |
| **A.** | công nghiệp chế tạo. | | | | **B.** | | công nghiệp sản xuất điện tử. | | |
| **C.** | công nghiệp xây dựng. | | | | **D.** | | công nghiệp dệt, vải các loại. | | |
| **Câu 12 :** | Ngành công nghiệp được coi là ngành mũi nhọn của nền công nghiệp Nhật Bản là ngành | | | | | | | | |
| **A.** | công nghiệp chế tạo máy. | | | | **B.** | | công nghiệp sản xuất điện tử. | | |
| **C.** | công nghiệp xây dựng và công trình công cộng. | | | | **D.** | | công nghiệp dệt, sợi vải các loại. | | |
| **Câu 13 :** | Đặc điểm nổi bật của nguồn lao động Trung Quốc góp phần quyết định sự phát triển của nền kinh tế - xã hội là | | | | | | | | |
| **A.** | quy mô nguồn lao động đông. | | | | **B.** | | nguồn lao động gồm nhiều thành phần dân tộc. | | |
| **C.** | nguồn lao động được đầu tư để nâng cao chất lượng. | | | | **D.** | | truyền thống lao động cần cù. | | |
| **Câu 14 :** | Về tổ chức hành chính, Trung Quốc được chia thành | | | | | | | | |
| **A.** | 22 tỉnh, 6 khu tự trị và 3 thành phố trực thuộc trung ương. | | | | | | | | |
| **B.** | 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương. | | | | | | | | |
| **C.** | 21 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương. | | | | | | | | |
| **D.** | 22 tỉnh, 4 khu tự trị và 5 thành phố trực thuộc trung ương. | | | | | | | | |
| **Câu 15 :** | Cây cà phê được trồng ***nhiều nhất*** ở quốc gia nào sau đây ? | | | | | | | | |
| **A.** | Việt Nam. | | | | **B.** | | Mianma. | | |
| **C.** | Thailan. | | | | **D.** | | Indonexia. | | |
| **Câu 16 :** | Các đồng bằng ở Đông Nam Á lục địa màu mỡ, vì | | | | | | | | |
| **A.** | Có lớp phủ thực vật phong phú. | | | | **B.** | | Được con người cải tạo hợp lí. | | |
| **C.** | Được phủ các sản phẩm phong hóa từ dung nham núi lửa. | | | | **D.** | | Được phù sa của các con sông bồi đắp. | | |
| **Câu 17 :** | Ngành công nghiệp của Nhật Bản chiếm khoảng 41% sản lượng xuất khẩu của thế giới là | | | | | | | | |
| **A.** | ô tô. | **B.** | tàu biển. | **C.** | | xe gắn máy. | | **D.** | sản phẩm tin học. |
| **Câu 18 :** | Cho bảng số liệu:  **BẢNG 1: GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM**  (Đơn vị: tỉ USD)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **NĂM** | **1990** | **1995** | **2000** | **2001** | **2004** | | **Xuất khẩu** | 287.6 | 443.1 | 479.2 | 403.5 | 565.7 | | **Nhập khẩu** | 235.4 | 335.9 | 379.5 | 349.1 |  |   54.5So với 1990 thì năm 2004 Nhật Bản xuất siêu hơn | | | | | | | | |
| **A.** | 59 tỉ USD | **B.** | 278.1 tỉ USD | **C.** | | 2,1 tỉ USD | | **D.** | 219 tỉ USD |
| **Câu 19 :** | Nhận xét ***không đúng*** về tình hình đân số của Nhật Bản là | | | | | | | | |
| **A.** | tốc độ gia tăng dân số thấp nhưng đang tăng dần. | | | | | | | | |
| **B.** | tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn. | | | | | | | | |
| **C.** | tỉ lệ trẻ em đang giảm dần. | | | | | | | | |
| **D.** | đông dân và tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển. | | | | | | | | |
| **Câu 20 :** | Phần lãnh thổ miền Đông Trung Quốc chiếm. | | | | | | | | |
| **A.** | 50% diện tích cả nước. | | | | **B.** | | trên 50% diện tích cả nước. | | |
| **C.** | gần 50% diện tích cả nước. | | | | **D.** | | 60% diện tích cả nước. | | |
| **Câu 21 :** | Trung Quốc có hai đặc khu hành chính nằm ven biển là | | | | | | | | |
| **A.** | Hồng Công và Thượng Hải. | | | | **B.** | | Hồng Công và Quảng Châu. | | |
| **C.** | Hồng Công và Ma Cao. | | | | **D.** | | Ma Cao và Thượng Hải. | | |
| **Câu 22 :** | Năm 2005, dân số Trung Quốc khoảng | | | | | | | | |
| **A.** | trên 1033 triệu người. | | | | **B.** | | gần  1303 triệu người. | | |
| **C.** | gần  1033 triệu người. | | | | **D.** | | trên 1303 triệu người. | | |
| **Câu 23 :** | Nhận xét ***không đúng*** về đặc điểm vị trí và lãnh thổ Trung Quốc là | | | | | | | | |
| **A.** | có đường biên giới giáp 14 nước chủ yếu qua núi cao và hoang mạc. | | | | | | | | |
| **B.** | lãnh thổ trải rộng từ bắc xuống nam, từ đông sang tây. | | | | | | | | |
| **C.** | có diện tích lãnh thổ rộng lớn và đứng thứ ba thế giới. | | | | | | | | |
| **D.** | phía đông giáp biển với đường bờ biển dài khoảng 9000 km. | | | | | | | | |
| **Câu 24 :** | Những ngành công nghiệp được Trung Quốc ưu tiên phát triển trong chính sách công nghiệp mới là | | | | | | | | |
| **A.** | Công nghiệp dệt may, chế biến lương thực - thực phẩm | | | | **B.** | | Công nghiệp khai thác, luyện kim. | | |
| **C.** | Công nghiệp năng lượng, viễn thông. | | | | **D.** | | Công nghiệp chế tạo máy, điện tử, hóa dầu | | |

**I. PHẦN TỰ LUẬN: (4,0 điểm)**

**Câu 1:** Trình bày đặc điểm vị trí địa lí và lãnh thổ Nhật Bản. Vị trí địa lí đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của Nhật Bản?

**Câu 2:** Tại sao dân cư Trung Quốc lại phân bố tập trung ở khu vực miền Đông?

--------------------------------------------------------

**ĐÁP ÁN ĐỊA 11**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | **Câu 9** | **Câu 10** |
| A | C | A | B | C | B | C | D | B | A |
| **Câu 11** | **Câu 12** | **Câu 13** | **Câu 14** | **Câu 15** | **Câu 16** | **Câu 17** | **Câu 18** | **Câu 19** | **Câu 20** |
| A | B | D | B | A | D | B | A | A | C |
| **Câu 21** | **Câu 22** | **Câu 23** | **Câu 24** |  |  |  |  |  |  |
| C | D | C | D |  |  |  |  |  |  |

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1:** Trình bày đặc điểm vị trí địa lí và lãnh thổ Nhật Bản. Vị trí địa lí đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của Nhật Bản?

TRẢ LỜI

*a. Vị trí địa lý và lãnh thổ:*

+ Nằm ở Đông Á trải dài theo hình vòng cung dài khoảng 3800 km trên Thái Bình Dương gồm 4 đảo lớn: Hôc-Cai-Đô, Hôn-Su, Xi-Cô-Cư, Kiu-Xiu và hàng nghìn đảo nhỏ.

+ Nằm trong khu vực khí hậu châu Á gió mùa.

+ Gần các nước NICs châu Á, Trung Quốc, LB Nga và khu vực Đông Nam Á.

*b. Ý nghĩa:*

+ Thuận lợi: giao lưu kinh tế, văn hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới bằng đường biển.

+ Khó khăn:

. Nằm trong vành đai núi lửa Thái Bình Dương: thường xuyên diễn ra động đất, núi lửa.

. Lãnh thổ kéo dài: Miền Bắc thường có bão tuyết, miền Nam thường có mưa to, bão. Việc xây dựng các tuyến đường nối các đảo khó khăn, tốn kém.

**Câu 2:** Tại sao dân cư Trung Quốc lại phân bố tập trung ở khu vực miền Đông?

TRẢ LỜI

Dân cư Trung Quốc tập trung chủ yếu ở khu vực miền Đông vì:

- Khu vực miền Đông của Trung Quốc tiếp giáp với biển, mở rộng ra Thái Bình Dương với nhiều cảng biển lớn thuận lợi để giao lưu phát triển kinh tế và nuôi trồng thủy hải sản.

- Miền Đông có tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế: địa hình đồng bằng với đất đa phì nhiêu; khí hậu chịu ảnh hưởng của biển nên rất thuận lợi để phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển nông nghiệp.

- Miền Đông là nơi được khai phá sớm hơn nên có sự tập trung dân cư đông.

- Các thành phố lớn, các trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị cũng phần lớn tập trung ở khu vực này nên thu hút sự tập trung của dân cư.

-----------------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 3** | **ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II**  **Môn: ĐỊA LÍ 11**  *Thời gian: 45 phút* |

**I. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)**

**Câu 1: Nhận xét *không đúng* về đặc điểm khí hậu của Nhật Bản là**

**A.** Phía nam Nhật Bản có khí hậu cận nhiệt, mùa đông không lạnh lắm.

**B.** Phía bắc Nhật Bản có khí hậu ôn đới gió mùa, mùa đông kéo dài.

**C.** Nhật Bản nằm trong khu vực khí hậu gió mùa, mưa nhiều.

**D.** Phía bắc mùa hạ có mưa to và bão, phía nam lạnh nhiều tuyết mùa đông.

**Câu 2: Phát biểu nào sau đây không đúngvề đặc điểm dân cư hiện nay của khu vực Đông Nam Á?**

**A.** Dân số đông, mật độ dân số cao. **B.** Gia tăng tự nhiên có xu hướng tăng.

**C.** Phân bố dân cư không đồng đều. **D.** Có nguồn lao động dồi dào.

**Câu 3:** Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ đã ném bom nguyên tử xuống hai thành phố của Nhật Bản là

**A.** Hi-rô-si-ma và Tô-ky-ô. **B.** Na-ga-xa-ki và Ô-sa-ka.

**C.** Tô-ky-ô và Ô-sa-ka. **D.** Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki.

**Câu 4: Nhận định nào sau đây *không phải* là nguyên nhân dân cư miền Tây của Trung Quốc thưa thớt?**

**A.** Địa hình đồi núi hiểm trở khó đi lại.

**B.** Công nghiệp kém phát triển, nông nghiệp chủ yếu.

**C.** Khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt.

**D.** Tiếp giáp với nhiều quốc gia trong khu vực.

**Câu 5: Nội dung nào sau đây không đúng về ngành dịch vụ của các nước Đông Nam Á?**

**A.** Cơ sở hạ tầng các nước được hiện đại.

**B.** Thông tin liên lạc được cải thiện và nâng cấp.

**C.** Hệ thống ngân hàng, tín dụng phát triển và hiện đại.

**D.** Hệ thống giao thông được mở rộng và tăng thêm.

**Câu 6: Nhận xét nào sau đây *không phải* là khó khăn cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc?**

**A.** Miền Tây địa hình núi cao hiểm trở, giao thông khó khăn.

**B.** Miền Tây có khí hậu lục địa khắc nghiệt, khô hạn.

**C.** Khí hậu có sự thay đổi từ cận nhiệt đến ôn đới.

**D.** Lụt lội thường xảy ra ở các đồng bằng miền Đông.

**Câu 7:** Ở Nhật Bản, thuốc lá được trồng nhiều trên đảo

**A.** Hôn-su. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Kiu-xiu. **D.** Xi-cô-cư.

**Câu 8:** Thủ đô của Trung Quốc là thành phố

**A.** Bắc Kinh. **B.** Thiên Tân. **C.** Hồng Công. **D. Thượng Hải.**

**Câu 9: “Hiệp hội các nước Đông Nam Á” viết tắt là ASEAN được thành lập tại**

**A.** Ku-a-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a). **B.** Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).

**C.** Ma-ni-la (Phi-lip-pin). **D.** Băng Cốc (Thái Lan).

**Câu 10: Ở khu vực Đông Nam Á, các quốc gia Phật giáo chiếm phần lớn dân số là**

**A.** Việt Nam và Phi-lip-pin. **B.** Ma-lai-xia và In-đô-nê-xi-a.

**C.** Mi-an-ma và Thái Lan. **D.** Cam-pu-chia và Bru-nây.

**Câu 11:** Trường Giang là sông lớn và có vai trò quan trọng trong bồi đắp phù sa cho đồng bằng

**A.** Hoa Trung. **B.** Đông Bắc. **C.** Hoa Bắc. **D.** Hoa Nam.

**Câu 12: Dân thành thị ở Trung Quốc những năm gần đây tăng nhanh, nguyên nhân chính là do**

**A.** quy mô dân số lớn. **B.** tỷ lệ dân nhập cư cao.

**C.** kinh tế phát triển nhanh. **D.** vị trí địa lý thuận lợi.

**Câu 13:** Các trung tâm công nghiệp Nhật Bản phân bố chủ yếu ở

**A.** phía Nam đảo Hôn-su. **B.** ven biển.

**C.** phía Bắc. **D.** trên đảo Hôn-su.

**Câu 14:** Trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất ở vùng Hoa Bắc của Trung Quốc là

**A.** Thượng Hải. **B.** Thiên Tân **C.** Bao Đầu **D.** Bắc Kinh.

**Câu 15: Ở Nhật Bản, Na-ga-xa-ki là trung tâm công nghiệp quan trọng của vùng kinh tế/đảo nào?**

**A.** Hôn-su. **B.** Xi-cô-cư. **C.** Hô-cai-đô. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 16:** Đây ***không phải*** là nguyên nhân tạo nên giai đoạn phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Nhật Bản.

**A.** Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.

**B.** Tập trung phát triển các ngành trọng điểm theo từng giai đoạn.

**C.** Chú trọng đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp, áp dụng kĩ thuật mới.

**D.** Tập trung cao độ vào phát triển các ngành then chốt.

**Câu 17: Cơ sở để lúa nước trở thành cây trồng truyền thống và quan trọng của các nước Đông Nam Á là**

**A.** mạng lưới sông ngòi dày đặc. **B.** khí hậu nóng ẩm, đất phù sa màu mỡ.

**C.** khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mưa nhiều. **D.** lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm.

**Câu 18:** Phát minh nổi bật thời cổ đại, trung đại nào sau đây ***không phải*** của Trung Quốc?

**A.** Kĩ thuật in. **B.** Thuốc súng. **C.** Chữ Ả rập. **D.** La bàn.

**Câu 19:** Trong thời gian phát triển, thành tựu có ý nghĩa lớn nhất về kinh tế mà ASEAN đạt được là

**A. cán cân xuất nhập khẩu đạt giá trị dương.**  **B. giá trị xuất - nhập khẩu tăng mạnh.**

**C. tăng trưởng kinh tế của các nước khá cao.**  **D. giá trị xuất khẩu tăng cao.**

**Câu 20:** Loại hình giao thông vận tải có vị trí đặc biệt quan trọng của Nhật Bản là

**A.** đường sắt. **B.** đường biển. **C.** đường ô tô. **D.** đường hàng không.

**Câu 21:** Các tài nguyên thiên nhiên chủ yếu của miền Tây ở Trung Quốc là

**A.** Rừng, đồng cỏ và các khoáng sản. **B.** Rừng, đồng cỏ và khí hậu ôn đới gió mùa.

**C.** Rừng và cac khoáng sản kim loại màu. **D.** Các đồng bằng phù sa màu mỡ, bờ biển dài.

**Câu 22: Một phần lãnh thổ của quốc gia ở khu vực Đông Nam Á có mùa đông lạnh là**

**A.** Mi-an-ma. **B.** Ma-lai-xi-a. **C.** Cam-pu-chia. **D.** Thái lan.

**Câu 23:** Tài nguyên nổi bật ở đảo Hô-cai-đô của Nhật Bản là

**A.** dầu mỏ. **B. đồng.** **C.** rừng. **D.** đất trồng.

**Câu 24: Đông Nam Á lục địa phần lớn bộ phận có đặc điểm khí hậu là**

**A.** nhiệt đới gió mùa. **B.** xích đạo.

**C.** ôn đới. **D.** cận nhiệt đới gió mùa.

**II. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

**Câu 1. (1,0 điểm)**

Trình bày sự phát triển nông nghiệp của khu vực Đông Nam Á?

**Câu 2. (3,0 điểm)**

Cho bảng số liệu:

**Giá trị xuất nhập khẩu của Trung Quốc, thời kì 1985 – 2004**

(Đơn vị: Tỉ USD)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | **1985** | **1995** | **2000** | **2004** |
| Xuất khẩu | 27,4 | 148,8 | 249,2 | 593,4 |
| Nhập khẩu | 42,3 | 129,1 | 225,1 | 560,7 |

Vẽ biểu đồ hiện sự chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2004. Qua biểu đồ đã vẽ hãy rút ra nhận xét.

***------ HẾT ------***

***ĐÁP ÁN***

***I. Phần đáp án câu hỏi trắc nghiệm:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **D** | **6** | **C** | **11** | **A** | **16** | **C** | **21** | **A** |
| **2** | **B** | **7** | **C** | **12** | **C** | **17** | **B** | **22** | **A** |
| **3** | **D** | **8** | **A** | **13** | **B** | **18** | **C** | **23** | **C** |
| **4** | **D** | **9** | **D** | **14** | **D** | **19** | **C** | **24** | **A** |
| **5** | **A** | **10** | **C** | **15** | **D** | **20** | **B** |  |  |

***II. Phần đáp án câu hỏi tự luận***

**Câu 1.** Trình bày sự phát triển nông nghiệp của khu vực Đông Nam Á?

|  |  |
| --- | --- |
| ***NỘI DUNG*** | ***ĐIỂM*** |
| - Lúa gạo là cây lương thực chính. Sản lượng lúa của các nước trong khu vực không ngừng tăng. | ***0,25*** |
| - Khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh các cây công nghiệp nhiệt đới như Cà phê, cao su, hồ tiêu, chè... | ***0,25*** |
| - Cây ăn quả được trồng hầu hết ở các nước trong khu vực. | ***0,25*** |
| - Các nước trong khu vực phát triển mạnh về chăn nuôi đại gia súc và nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản. | ***0,25*** |

Câu 2. Vẽ biểu đồ

|  |  |
| --- | --- |
| ***NỘI DUNG*** | ***ĐIỂM*** |
| Có bảng xử lí số liệu | ***1,0*** |
| Vẽ đúng biểu đồ miền | ***1,5*** |
| Có đầy đủ tên, chú thích | ***0,5*** |
| Nhận xét đúng | ***1,0*** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 4** | **ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II**  **Môn: ĐỊA LÍ 11**  *Thời gian: 45 phút* | |  |

***I. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIÊM (6,0 ĐIỂM)***

**Câu 1: Mặc dù Đông Nam Á xuất khẩu rất nhiều loại nông sản nhưng giá trị của các mặt hàng ấy vẫn còn thấp, đó là do các hàng nông sản**

**A.** thường bị các nước tư bản chèn ép về giá cả.

**B.** chưa đáp ứng được những yêu cầu của thị trường về chất lượng.

**C.** không cạnh tranh được với các nước khác nên phải hạ giá.

**D.** phần lớn chưa qua chế biến.

**Câu 2: Vùng kinh tế đảo Hôn su không có đặc điểm nổi bật là**

**A.** diện tích rộng lớn nhất. **B.** tỉ lệ rừng lớn nhất.

**C.** dân số đông nhất. **D.** kinh tế phát triển nhất.

**Câu 3: Cây trồng chiếm diện tích lớn nhất (50%) ở Nhật Bản là**

**A.** dâu tằm. **B.** ngô. **C.** lúa mì. **D.** lúa gạo.

**Câu 4: Nhận định nào sau đây *không chính xác* về Đông Nam Á?**

**A.** điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới điển hình.

**B.** ngành thương mại và hàng hải có điều kiện để phát triển ở tất cả các nước.

**C.** nằm trong vành đai sinh khoáng giàu khoáng sản.

**D.** có vị trí cầu nối giữa lục địa Ôxtrâylia và lục địa Á Âu.

**Câu 5:** Ý nào sau đây ***không phải*** là vấn đề về lao động của Đông Nam Á?

**A. Lao động đông nhưng kinh tế phát triển chưa cao dẫn đến thiếu việc làm.**

**B. Lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn cao còn hạn chế.**

**C. Lao động có trình độ có xu hướng ra nước ngoài làm việc ngày càng nhiều.**

**D. Nguồn lao động phân bố không đều, tập trung đông ở đồng bằng và các thành phố lớn.**

**Câu 6: Cơ cấu kinh tế của các nước Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng**

**A.** gỉam tỉ trọng khu vực II, tăng tỉ trọng khu vực I và III.

**B.** giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.

**C.** giảm tỉ trọng khu vực I và III, tăng tỉ trọng khu vực II.

**D.** giảm tỉ trọng khu vực I và II, tăng tỉ trọng khu vực III.

**Câu 7: Nhận xét nào sau đây *không đúng* về đặc điểm vị trí và lãnh thổ Trung Quốc?**

**A.** Lãnh thổ trải rộng từ bắc xuống nam, từ đông sang tây.

**B.** Có diện tích lãnh thổ rộng lớn và đứng thứ ba thế giới.

**C.** Có đường biên giới giáp 14 nước chủ yếu là núi cao, hoang mạc.

**D.** Phía đông giáp biển với đường bờ biển dài khoảng 9000 km.

**Câu 8: Ngành công nghiệp được coi là khởi nguồn của nền công nghiệp của Nhật Bản ở thế kỉ XIX là**

**A.** công nghiệp đóng tàu biển. **B.** công nghiệp chế tạo máy.

**C.** công nghiệp dệt. **D.** công nghiệp sản xuất điện tử.

**Câu 9: Cho bảng số liệu:**

**SỰ BIẾN ĐỘNG VỀ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO ĐỘ TUỔI CỦA NHẬT BẢN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm tuổi** | **1950** | **1970** | **1997** | **2005** |
| Dưới 15 tuổi % | 35,4 | 23,9 | 15,3 | 13,9 |
| Từ 15 - 64 tuổi (%) | 59,6 | 69,0 | 69,0 | 66,9 |
| 65 tuổi trở lên (%) | 5,0 | 7,1 | 15,7 | 19,2 |
| Số dân (triệu người) | 83,0 | 104,0 | 126,0 | 127,7 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên.

**A.** Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn.

**B.** Tỉ lệ nhóm từ 15 - 64 tuổi ngày tăng.

**C.** Số dân Nhật Bản ngày càng tăng

**D.** Tỉ lệ trẻ em trong dân cư ngày càng nhỏ.

**Câu 10: Mục tiêu tông quát của ASEAN là**

**A.** đoàn kết hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định và cùng phát triển.

**B.** thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và tiến bộ xã hội của các nước thành viên.

**C.** xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định có nền kinh tế,văn hóa, xã hội phát triển.

**D.** giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến quan hệ giữa ASEAN với các nước, khối nước, tổ chức quốc tế khác.

**Câu 11: Vùng có điều kiện trồng lúa gạo Trung Quốc là**

**A.** đồng bằng Hoa Trung, đồng bằng Hoa Nam.

**B.** đồng bằng Đông Bắc, đồng bằng Hoa Nam.

**C.** đồng bằng Hoa Bắc, đồng bằng Hoa Trung.

**D.** đồng bằng Hoa Bắc, đồng bằng Hoa Nam.

**Câu 12: Trong các ý sau, ý nào *không đúng* về thành tựu của ASEAN?**

**A.** Cán cân xuất-nhập khẩu của toàn khối đạt giá trị dương.

**B.** Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại hóa.

**C.** 10/11 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á gia nhập ASEAN.

**D.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước đều và vững chắc.

**Câu 13: Các đô thị có số dân đông nhất Trung Quốc là**

**A.** Cáp Nhĩ Tân, Thẩm Dương. **B.** Vũ Hán, Thành Đô.

**C.** Bắc Kinh, Thượng Hải. **D.** Thiên Tân, Tây An.

**Câu 14: Nền nông nghiệp Đông Nam Á giữ vị trí quan trọng vì**

**A.** đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm cho người dân trong khu vực.

**B.** tạo ra những cảnh quan xinh đẹp hấp dẫn khách du lịch quốc tế.

**C.** tạo sản phẩm xuất khẩu chính cho tất cả các nước.

**D.** cung cấp nguồn nguyên liệu chủ yếu để phát triển công nghiệp.

**Câu 15:** **Dân cư Trung Quốc tập trung đông nhất ở vùng**

**A.** ven biển và thượng lưu các con sông lớn. **B.** phía Tây bắc của miền Đông.

**C.** ven biển và hạ lưu các con sông lớn. **D.** ven biển và dọc theo con đường tơ lụa.

**Câu 16:** ASEAN là tên gọi tắt của

**A.** liên minh Đông Nam Á. **B.** hiệp hội các nước Đông Nam Á.

**C.** tổ chức liên phòng Đông Nam Á. **D.** hiệp hội kinh tế Đông Nam Á.

**Câu 17: Năm 1967, tại Băng Cốc (Thái Lan ) các nước tham gia kí tuyên bố thành lập ASEAN là**

**A.** Thái Lan, Phi-lip-pin, Mi-an-ma. **B.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a.

**C.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam. **D.** In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Lào.

**Câu 18: Khí hậu của Nhật Bản chủ yếu là**

**A.** ôn đới và cận nhiệt đới. **B.** ôn đới hải dương và nhiệt đới.

**C.** hàn đới và ôn đới hải dương. **D.** hàn đới và ôn đới lục địa.

**Câu 19: Chính sách công nghiệp mới của Trung Quốc tập trung vào 5 ngành công nghiệp chủ yếu nhằm**

**A.** tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

**B.** tăng năng suất và đáp ứng nhu cầu của người dân.

**C.** thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

**D.** xuất khẩu để tăng nguồn vốn tích lũy.

**Câu 20: Phía nam Nhật Bản có khí hậu**

**A.** ôn đới, mùa đông không lạnh lắm và không có tuyết.

**B.** cận nhiệt đới, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng.

**C.** cận nhiệt đới, mùa đông rất lạnh, mùa hạ nóng.

**D.** ôn đới, mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết.

**Câu 21: Biểu hiện nào sao đây chứng tỏ trình độ phát triển của ASEAN còn chưa đồng đều?**

**A.** Đô thị hóa khác nhau giữa các quốc gia.

**B.** Tỉ lệ đói nghèo giữa các nước có sự khác nhau.

**C.** Sử dụng tài nguyên của các nước chưa hợp lí.

**D.** GDP có sự chênh lệch giữa các nước.

**Câu 22: Nước nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Á lục địa ?**

**A.** Bruney, Malaixia, Thái Lan. **B.** Việt Nam, Thái Lan, Singapore.

**C.** Thái Lan, Mianma, Indonesia. **D.** Việt Nam, Thái Lan, Mianma.

**Câu 23: Cho bảng số liệu:**

**SỰ BIẾN ĐỘNG VỀ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO ĐỘ TUỔI CỦA NHẬT BẢN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm tuổi** | **1950** | **1970** | **1997** | **2005** |
| Dưới 15 tuổi % | 35,4 | 23,9 | 15,3 | 13,9 |
| Từ 15 – 64 tuổi (%) | 59,6 | 69,0 | 69,0 | 66,9 |
| 65 tuổi trở lên (%) | 5,0 | 7,1 | 15,7 | 19,2 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản qua các năm trên là

**A.** miền. **B.** đường. **C.** tròn. **D.** cột.

**Câu 24: Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng của Nhật Bản là**

**A.** Vừa phát triển các ngành kinh tế trong nước, vừa đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài.

**B.** Vừa phát triển các ngành hiện đại, vừa phát triển các ngành truyền thống.

**C.** Vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì những cơ sở sản xuất nhỏ thủ công.

**D.** Vừa phát triển kinh tế nhà nước, vừa phát triển kinh tế tư nhân.

***II. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN (4,0 ĐIỂM)***

**Câu 1.** Vì sao nói ngành giao thông đường biển giữ một vị trí đặc biệt trong nền kinh tế của Nhật Bản?

**Câu 2.** Nêu khái quát thành tựu của công cuộc hiện đại hóa đất nước của Trung Quốc.

**Câu 3.** Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN**

I. Phần đáp án câu trắc nghiệm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **D** | **6** | **B** | **11** | **A** | **16** | **B** | **21** | **D** |
| **2** | **B** | **7** | **B** | **12** | **D** | **17** | **B** | **22** | **D** |
| **3** | **D** | **8** | **C** | **13** | **C** | **18** | **A** | **23** | **A** |
| **4** | **B** | **9** | **B** | **14** | **A** | **19** | **B** | **24** | **C** |
| **5** | **C** | **10** | **A** | **15** | **C** | **20** | **B** |  |  |

***II. Phần đáp án phần tự luận***

**Câu 1. Vì sao nói ngành giao thông đường biển giữ một vị trí đặc biệt trong nền kinh tế của Nhật Bản?**

**Trả lời**

*Ngành giao thông đường biển giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Nhật Bản, vì:*

- Nhật Bản là quốc gia biển.

- Nghèo tài nguyên, đặc biệt khoáng sản. Do đó để phát triển công nghiệp Nhật Bản phải nhập tài nguyên khoáng sản...từ các nước khác thông qua đường biển

- Nhật Bản rất chú ý phát triển ngoại thương buôn bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ,... với các nước trong khu vực và thế giới. Việc trao đổi này phần lớn qua các cảng biển.

**Câu 2: Nêu khái quát thành tựu của công cuộc hiện đại hóa đất nước của Trung Quốc?**

**Trả lời**

Công cuộc hiện đại hóa đất nước của Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn:

- Mức tăng trưởng GDP cao nhất thế giới, trung bình đạt hơn 8%/năm.

- Năm 2004 tổng GDP đạt 1649,3 tỉ USD, đứng thứ 7 trên thế giới.

- Ngành thương mại phát triển mạnh. Giá trị xuất nhập khẩu đạt trên 1154,4 tỉ USD, chiếm vị trí thứ 3 trên thế giới.

- Điều kiện sống của nhân dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng 5 lần trong vòng 20 năm (từ 276 USD năm 1985 lên 1269 USD năm 2004).

- Ổn định xã hội, mở rộng giao lưu buôn bán với các nước trên thế giới tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển.

**Câu 3: Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực**

**Trả lời**

*Đặc điểm vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á*

- Khu vực Đông Nam Á nằm ở phía nam châu Á, nơi tiếp giáp giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, có vị trí giữa cầu nối giữa lục địa Á - Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a.

- Đông Nam Á bao gồm một hệ thống các bán đảo, đảo và quần đảo đan xen giữa các biển và vịnh biển rất phức tạp.

*Ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực:*

- Thuận lợi: Các quốc gia Đông Nam Á đều giáp biển (trừ Lào) nên thuận lợi cho giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các nước trong khu vực và trên thế giới bằng đường biển và phát triển ngành kinh tế biển: Giao thông vận tải đường biển, du lịch biển, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, khai thác khoáng sản biển.

- Khó khăn: Các thiên tai tự nhiên thường xảy ra như: bão, sóng thần, động đất,... gây thiệt hại lớn về người và của cho các nước trong khu vực, đặc biệt là các nước Đông Nam Á hải đảo.

Khu vực Đông Nam Á nằm gần các nước có nền kinh tế phát triển mạnh như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ,... nên gặp khó khăn trong cạnh tranh thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

--------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 5** | **ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II**  **Môn: ĐỊA LÍ 11**  *Thời gian: 45 phút* |

1. ***PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 ĐIỂM)***

**Câu 1: Nhận xét nào sau đây không *phải*** đặc điểm của miền Đông Trung Quốc?

**A.** Công nghiệp phát triển nhưng nghèo khoáng sản.

**B.** Khí hậu đa dạng từ ôn đới gió mùa sang cận nhiệt đới gió mùa.

**C.** Dân cư tập trung đông đúc, nông nghiệp trù phú.

**D.** Có các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ.

**Câu 2:** Ở Trung Quốc, ngành chăn nuôi cừu phân bố rộng rãi ở

**A.** Miền Tây. **B.** Hoa Trung. **C.** Hoa Nam **D.** Hoa Bắc.

**Câu 3:** Trung Quốc ***không*** tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

**A.** Mi-an-ma. **B.** Nhật Bản. **C.** Triều Tiên. **D. Ấn Độ.**

**Câu 4:** Trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn ở vùng Hoa Nam của Trung Quốc là

**A.** Quảng Châu. **B.** Bắc Kinh. **C.** Thượng Hải. **D.** Trùng Khánh.

**Câu 5: Ở khu vực Đông Nam Á, các quốc gia trồng nhiều cà phê và hồ tiêu nhất là**

**A.** Inđônêxia. **B.** Malaixia. **C.** Thái Lan. **D.** Việt Nam.

**Câu 6: Quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Nam Á không giáp biển là**

**A.** Lào. **B.** Đông Ti-mo. **C.** Mi-an-ma. **D.** Bru-nây.

**Câu 7:** Đồng bằng Hoa Nam của Trung Quốc có khí hậu là

**A.** cận nhiệt gió mùa. **B.** ôn đới **gió mùa**.

**C. ôn đới** lục địa. **D.** cận nhiệt lục địa.

**Câu 8: Cho bảng số liệu:**

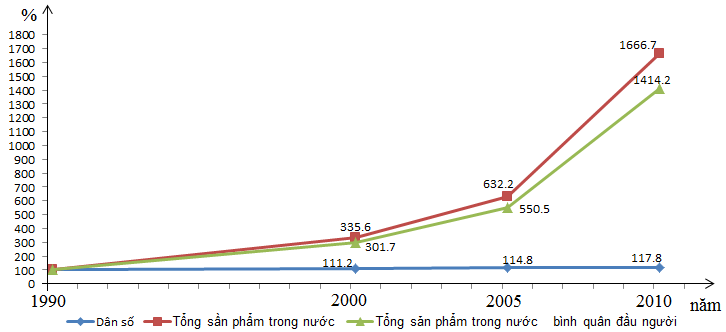
Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 – 2015. (Đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1985** | **1995** | **2004** | **2010** | **2015** |
| Xuất khẩu | 39,3 | 53,5 | 51,4 | 53,1 | 57,6 |
| Nhập khẩu | 60,7 | 46,5 | 48,6 | 46,9 | 42,4 |

Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2015, biểu đồ nào thích hợp nhất?

**A.** tròn. **B.** cột ghép. **C.** miền. **D.** kết hợp.

**Câu 9:**  **Cho biểu đồ về Trung Quốc**



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu dân số, tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc giai đoạn 1990 – 2010.

**B.** Dân số, tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc giai đoạn 1990 – 2010.

**C.** Tình hình phát triển dân số, tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc giai đoạn 1990 – 2010.

**D.** Tốc độ tăng trưởng dân số, tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc giai đoạn 1990 – 2010.

**Câu 10: Quốc gia vừa thuộc Đông Nam Á lục địa và vừa thuộc Đông Nam Á biển đảo là**

**A.** In-đô-nê-x-ia. **B.** Mi-an-ma. **C.** Ma-lai-xi-a **D.** Thái Lan.

**Câu 11:** Siêu đô thị có dân số đông nhất hiện nay của Trung Quốc là

**A.** Thượng Hải. **B.** Quảng Châu. **C.** Bắc Kinh. **D.** Vũ Hán.

**Câu 12:** Dân tộc chiếm tỷ trọng lớn nhất trong dân số Trung Quốc là người

**A.** Tạng. **B.** Hán. **C.** Ui-gua. **D.** Choang.

**Câu 13: Hiện nay, quốc gia có GDP bình quân theo đầu người cao nhất khu vực Đông Nam Á là**

**A.** Xin-ga-po. **B.** Bru-nây. **C.** Ma-lai-xi-a. **D.** Thái Lan.

**Câu 14: Phần lớn đất nước Nhật Bản nằm trong vùng khí hậu nào sau đây?**

1. Ôn đới.  **B.** Cận nhiệt.  **C.** Xích đạo. **D.** Nhiệt đới.

**Câu 15:** Hoàng hà là sông lớn và có vai trò quan trọng trong bồi đắp phù sa cho đồng bằng

**A.** Hoa Nam. **B.** Đông Bắc. **C.** Hoa Trung. **D.** Hoa Bắc.

**Câu 16: Ở Trung Quốc, củ** cải đường được trồng nhiều ở đồng bằng

**A.** Hoa Bắc. **B.** Đông Bắc. **C.** Hoa Nam. **D.** Hoa Trung.

**Câu 17: Ở khu vực Đông Nam Á, các quốc gia có Hồi giáo chiếm phần lớn dân số là**

**A.** Ma-lai-xi-a và Cam-pu-chia. **B.** Phi-lip-pin và In-đô-nê-x-ia.

**C.** Lào và Thái Lan. **D.** Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a.

**Câu 18:** Trung Quốc là nước có diện tích lớn thứ

**A.** ba trên thế giới **B.** nhất trên thế giới.

**C.** tư trên thế giới. **D.** hai trên thế giới.

**Câu 19:** Trung Quốc tiến hành hiện đại hóa nền kinh tế vào năm

**A.** 2004 **B.** 1994. **C.** 1949. **D.** 1978.

**Câu 20: Nội dung nào *không* thể hiện được đặc điểm tự nhiên miền Tây Trung Quốc?**

**A.** Nơi bắt nguồn của các con sông lớn như Hoàng Hà, Trường Giang.

**B.** Khí hậu khắc nghiệt tạo nên những hoang mạc, bán hoang mạc rộng lớn.

**C.** Địa hình gồm các dãy núi, cao nguyên hiểm trở xen lẫn các bồn địa.

**D.** Có nhiều đồng cỏ và các khoáng sản kim loại màu.

**Câu 21: Quốc gia không thuộc Đông Nam Á biển đảo là**

**A.** Đông ti-mo. **B.** Mi-an-ma. **C.** Xin-ga-po. **D.** Bru-nây.

**Câu 22: Dân thành thị ở Trung Quốc những năm gần đây tăng nhanh, nguyên nhân chính là do**

**A.** tỉ lệ dân nhập cư cao. **B.** vị trí địa lí thuận lợi.

**C.** quy mô dân số lớn. **D.** kinh tế phát triển nhanh.

**Câu 23: Một phần lãnh thổ của quốc gia ở khu vực Đông Nam Á có mùa đông lạnh là**

**A.** Thái lan. **B.** Ma-lai-xi-a. **C.** Mi-an-ma. **D.** Camphuchia.

**Câu 24: Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm**

**A.** 1997. **B.** 1999. **C.** 1995. **D.** 1984.

***II. PHẦN TỰ LUẬN ( 4,0 ĐIỂM)***

**Câu 1**: Hãy nêu những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế các nước Đông Nam Á. (2,0 điểm)

**Câu 2**: Cho bảng số liệu: (2,0 điểm)

Dân số và sản lượng lương thực có hạt của Trung Quốc giai đoạn: 2000 – 2010

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2008** | **2010** |
| Dân số (triệu người) | 1262.6 | 1303.7 | 1324.7 | 1337.8 |
| Sản lượng lương thực có hạt (triệu tấn) | 407.3 | 429.4 | 480.1 | 498.5 |

1. Tính bình quân lương thực trên đầu người của Trung Quốc giai đoạn: 2000 - 2010
2. Tính số kg lương thực trên đầu người tăng trong giai đoạn: 2000 - 2010

**-------Hết------**

**ĐÁP ÁN**

**I.PHẦN TRẮC NGHIỆM: (6,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **A** | **6** | **A** | **11** | **A** | **16** | **B** | **21** | **B** |
| **2** | **A** | **7** | **A** | **12** | **B** | **17** | **D** | **22** | **D** |
| **3** | **B** | **8** | **C** | **13** | **A** | **18** | **C** | **23** | **C** |
| **4** | **A** | **9** | **D** | **14** | **A** | **19** | **D** | **24** | **C** |
| **5** | **D** | **10** | **C** | **15** | **D** | **20** | **D** |  |  |

**II.PHẦN TỰ LUẬN: (4,0 điểm)**

**Câu 1: 2 điểm**.

**a. Thuận lợi:**

- Khí hậu nóng ẩm, hệ đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc. Thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

- Có lợi thế về biển. Phát triển kinh tế biển (trừ Lào).

- Nằm trong vành đai sinh khoáng. Nhiều khoáng sản thuận lợi phát triển công nghiệp.

- Nhiều rừng thuận lợi phát triển lâm nghiệp.

- Phát triển du lịch.

**b. Khó khăn:**

- Thiên tai: Động đất, núi lửa, bão, lũ lụt…

- Suy giảm rừng, xói mòn đất…

***Câu 2: 2 điểm. (Đơn vị: kg/người)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2000 | 2005 | 2008 | 2010 |
| Bình quần trên đầu người | 322.6 | 329.4 | 362,4 | 372.6 |
| Số kg tăng trong giai đoạn 2000 - 2010. | 50 | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 6** | **ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II**  **Môn: ĐỊA LÍ 11**  *Thời gian: 45 phút* |

***I. PHẦN TRẮC NGHIỆM* (6,0 điểm)**

**Câu 1. Đảo có diện tích lớn nhất Nhật Bản là**

A. Hô-cai-đô. B. Xi-cô-cư. C. Hôn-su. D. Kiu-xiu

**Câu 2. Đặc điểm tự nhiên nào sau đây *không đúng* với Nhật Bản ?**

A. Địa hình chủ yếu là núi. B. Quặng đồng và than đá nhiều.

C. Sông ngòi ngắn, dốc. D. Đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.

**Câu 3. 00196Khó khăn *chủ yếu nhất* về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là**

A. Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh. B. Trữ lượng các loại khoáng sản không đáng kể.

C. Nhiều núi lửa, động đất. D. Nhiều đảo lớn, đảo nhỏ nằm cách xa nhau.

**Câu 4. Về ngoại thương, Nhật Bản *không phải* là nước:**

A. Xem xuất khẩu là động lực của sự tăng trưởng kinh tế.

B. Đứng thứ tư thế về thương mại.

C. Nhập khẩu sản phẩm công nghiệp chế biến.

D. Đứng đầu thế giới về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (FDI).

**CaCC00222Câu 5. Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su là**

A. phát triển công nghiệp nặng. B. trồng cây công nghiệp và ăn quả.

C. kinh tế phát triển nhất. D. có thành phố lớn là Phu-cu-ô-ca.

**Ca00224Câu 6. Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế của Nhật Bản là đặc điểm của vùng:**

A. Xi-cô-cư. B. Kiu-xiu. C. Hôn-su. D. Hô-cai-đô.

**Câu 7. Điểm *giống nhau* giữa thiên nhiên miền Đông và miền Tây Trung Quốc là**

A. chủ yếu đồng bằng phù sa châu thổ, màu mỡ. B. tài nguyên khoáng sản giàu có.

C. khí hậu gió mùa cận nhiệt, ôn đới. D. là nơi tập trung hạ lưu các sông lớn.

**C00232Câu 8. Dân số Trung Quốc tập trung đông đúc ở:**

A. Miền Đông. B. Các đồng bằng châu thổ. C. Vùng ven biển. D. Miền Tây.

**Câu 9. Điểm nào sau đây *không đúng* với dân cư và xã hội Trung Quốc ?**

A. Chú ý đầu tư phát triển giáo dục. B. Phát minh ra chữ viết 500 năm trước Công nguyên.

C. Có ít dân tộc. D. Người dân có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo.

**Câu 10. Sự phân bố công nghiệp ở miền Đông *giống* với miền Tây của Trung Quốc ở điểm:**

A. Có nhiều điểm công nghiệp tập trung. B. Phân bố tập trung chế tạo máy.

C. Có ngành luyện kim. D. Có ngành sản xuất thiết bị điện tử.

**Câu 11. Kết quả nào sau đây *không phải* của sản xuất nông nghiệp Trung Quốc ?**

A. Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng nhanh. B. Nhiều loại nông sản có năng suất cao.

C. Cây lương thực chiếm vị trí quan trọng nhất. D. Chăn nuôi chiếm giá trị lớn hơn trồng trọt.

**Câu 12. Nông sản nào sau đây của Trung Quốc có sản lượng *đứng đầu* thế giới (năm 2004) ?**

A. Thịt cừu. B. Chè. D. Mía. D. Thịt bò.

**Câu 13. Đặc điểm của địa hình Đông Nam Á lục địa là:**

A. Ít đồng bằng, nhiều đồi núi. B. Núi thường có độ cao dưới 3000m.

C. Thung lũng rộng đan xen giữa các dãy núi. D. Đồng bằng tập trung ở các đảo lớn.

**Câu 14. Điểm nào sau đây *không đúng* với tài nguyên khu vực Đông Nam Á ?**

A. Tài nguyên khoáng sản giàu có. B. Thảm thực vật phong phú.

C. Khí hậu nóng ẩm ôn hoà. D. Sinh vật biển đa dạng.

**Câu 15. Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với Đông Nam Á ?**

A. Các nước đều là những quốc gia đa dân tộc.

B. Một số dân tộc phân bố không theo biên giới quốc gia.

C. Có hầu hết các tôn giáo lớn của thế giới.

D. Kết cấu xã hội của các nước khác biệt nhau rất lớn.

**Câu 16. 00265Cơ cấu kinh tế của các nước Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng**

A. từ kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp.

B. từ kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp, dịch vụ.

C. đóng góp lớn cho GDP chủ yếu là dịch vụ.

D. kinh tế nông nghiệp ngày càng có vai trò nhỏ dần.

**C 00272CaCâu 17. Cây cà phê được trồng *nhiều nhất* ở nước nào sau đây ?**

A. Indonexia. B. Việt Nam. C. Philippin. D. Thái Lan.

**Ca00273Câu 18. Cây hồ tiêu *không được* trồng nhiều ở nước nào sau đây ?**

A. Indonexia. B. Thái lan. C. Malaixia. D. Philippin.

**Câu 19.** **Mục tiêu chủ yếu của việc trồng cây lấy dầu, lấy sợi ở Đông Nam Á là**

A. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp. B. phá thế độc canh trong nông nghiệp.

C. xuất khẩu thu ngoại tệ. D. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

**Câu 20. Nước có sản lượng đánh bắt cá hàng năm *lớn nhất* Đông Nam Á là**

A. Việt Nam. B. Indonexia. C. Thái Lan. D. Philippin.

**Câu 21. Những ngành công nghiệp trở thành thế mạnh của các nước trong khu vực Đông Nam Á là**

A. Công nghịêp dệt may, giày da.

B. Công nghiệp khai thác than và khoáng sản kim loại.

C. Công nghiệp chế biến và lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.

D. Các ngành tiểu thủ công nghiệp phục vụ xuất khẩu.

**Câu 22. Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với ngành dịch vụ của Đông Nam Á ?**

A. Hệ thống ngân hàng, tín dụng được phát triển và hiện đại.

B. Dịch vụ phát triển đều giữa các nước trong khu vực.

C. Hệ thống giao thông được mở rộng và tăng thêm.

D. Thông tin liên lạc được cải thiện và nâng cấp.

**Câu 23. Cho bảng số liệu:**

**GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI**

***(Đơn vị: tỉ USD)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1985** | **1995** | **2004** |
| **Trung Quốc** | 239,0 | 697,6 | 1649,3 |
| **Toàn thế giới** | 12360,0 | 29357,4 | 40887,8 |

**Tỉ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới *năm 1995* là**

A. 1,9% B. 2,4% C. 4,2% D. 14,2%

**Câu 24. Nước nào sau đây ở Đông Nam Á có một phần lãnh thổ có mùa đông lạnh?**

A. Nam Mianma. B. Hạ Lào. C. Đông Thái lan. D. Bắc Việt Nam.

***II. PHẦN TỰ LUẬN* (4,0 điểm)**

**Câu 1.** Nêu một số nét nổi bật về dân cư của Trung Quốc.

**Câu 2.** Trình bày điều kiện tự nhiên của Đông Nam Á lục địa.

**---------------------------------------------**

**ĐÁP ÁN**

***I. PHẦN TRẮC NGHIỆM* (6,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| C | B | B | C | C | A | B | A | C | C | D | A |
| **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** |
| C | C | D | B | B | D | C | B | C | B | B | D |

***I. PHẦN TỰ LUẬN* (4,0 điểm)**

**Câu 1.** Nêu một số nét nổi bật về dân cư của Trung Quốc.***(2,0 điểm)***

- Trung Quốc chiếm 1/5 dân số thế giới.

- Trung Quốc có 50 dân tộc khác nhau; người Hán chiếm 90% dân số.

- Dân thành thị chiếm 37% (2005).

- Dân cư phân bố không đồng đều; tập trung nhiều nhất ở miền Đông.

**Câu 2.**Trình bày điều kiện tự nhiên của Đông Nam Á lục địa.***(2,0 điểm)***

- Đông Nam Á lục địa có điạ hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

- Giữa các dãy núi là các thung lũng rộng.

- Ven biển có đồng bằng phù sa màu mỡ.

- Đông Nam Á có khí hậu nhiệt đới gió mùa.